

Số: 15/TB-ST.19

V/v: thực hiện khuyến mại

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 03 năm 2019

THÔNG BÁO THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI

Kính gửi : SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH SÓC TRĂNG

- Tên thương nhân: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG
TẠI SÓC TRĂNG
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 649 Trần Hưng Đạo, phường 03, Tp Sóc Trăng.
- Điện thoại: 02993.625151 Fax: 02993.625150
- Email: kimanh1413@gmail.com
- Mã số thuế: 1800156801-011
- Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Anh Điện thoại: 0939.967607

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại Sóc Trăng thông báo chương trình khuyến mại sau:

Nội dung chương trình khuyến mại:

1. Tên chương trình khuyến mại: **Chương trình khuyến mại tham dự tour du lịch Hội nghị khách hàng năm 2019.**
2. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại: Tỉnh Sóc Trăng.
3. Hình thức khuyến mại: Tặng hàng.
4. Thời gian khuyến mại: từ 18/03/2019 đến 31/07/2019.
5. Hàng hóa, dịch vụ khuyến mại: đính kèm danh mục.
6. Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại: tour du lịch, vàng, card điện thoại, hàng tiêu dùng, vật dụng gia đình, quà tặng theo nhu cầu khách hàng...
7. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng được hưởng khuyến mại): tất cả khách hàng thương mại (nhà thuốc, quầy thuốc, đại lý, công ty dược...)
8. Cơ cấu giải thưởng (nội dung giải thưởng, giá trị giải thưởng, số lượng giải thưởng):
theo mục 10
9. Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ dự kiến dùng để khuyến mại: 4,000,000,000đ tổng doanh số dùng để khuyến mãi.
10. Nội dung chi tiết của chương trình khuyến mại:

Danh mục	Mức doanh số (nguyên giá, chưa VAT)	Tour du lịch trị giá	Quà tặng thêm nếu đi du lịch
Nhóm 5%	≥200,000đ	5%	4%
Cùng thịnh vượng, Hapacol	≥200,000đ	25%	4%

Chi nhánh công ty cổ phần Dược Hậu Giang tại Sóc Trăng thông báo đến Quý Sở và cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về chương trình khuyến mại trên theo các qui định của pháp luật hiện hành.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Toàn

DANH MỤC HÀNG

(Đính kèm thông báo số: 15/TB-ST.19 ngày 18/03/2019)

STT	Tên sản phẩm	Đvt	Giá (Chưa VAT)
	Nhóm Cùng Thịnh vượng và Hapacol		
1	Apitim 5mg v/10 h/30	hộp	24,000
2	Aticef 250 gói/1,5g h/24 t/3456	hộp	43,440
3	Aticef 500 caps (xanh dương đậm-xanh dương nhạt) v/7 h/14 t/2688	hộp	30,800
4	Aticef 500 caps (xanh dương đậm-xanh dương nhạt) ch/100 t/12600	chai	210,000
5	Atorlip 20 v/10 h/30 t/6240	hộp	90,000
6	Atorlip 10 v/10 h/30 t/5400	hộp	57,150
7	Azithromycin 100 G/0,75gr h/24 t/3456	hộp	60,000
8	Azithromycin 200 Gói/1,5gr h/24 t/3456	hộp	72,000
9	Azithromycin 250 v/6 h/6 t/2880	hộp	19,050
10	Azithromycin 250 v/6 h/60 t/5760	hộp	190,500
11	Azithromycin 500 v/10 h/30	hộp	150,000
12	BisacodylDHG v/25 h/100 t/22500	hộp	30,000
13	Betahistine v/10 h/30 t/5850	hộp	63,000
14	COZZ Candy h/100 t/5000	hộp	55,000
15	Cefdinir 125 G/1.5gr h/24 t/3456	hộp	172,800
16	Cefdinir 300 v/10 h/20 t/3600	hộp	240,000
17	Celosti 100mg (t/t) v/10 h/20 t/3360	hộp	48,000
18	Celosti 200mg v/10 h/20 t/3360	hộp	68,000
19	Clanz v/10 h/20 t/14400	hộp	13,340
20	Calvit - D v/10 h/100 t/10000	hộp	32,000
21	Davita Bone Plus v/10 h/30 t/6000	hộp	36,000
22	Davita Bone Sugar Free DP t/10 T/2400	tube	23,040
23	Edoz Kids gói/2gr h/24 t/3456	hộp	33,600
24	Ediva E v/10 h/30	hộp	60,000
25	Ediva E v/10 h/100	hộp	200,000
26	Fubenzon h/1 t/480	hộp	4,762
27	Fenaflam v/10 h/20 t/15120	hộp	28,560
28	Fatodin 40 v/10 h/100 t/12600	hộp	80,000
29	Glucosamin ch/150 t/15750	chai	180,000
30	GliritDHG 500mg/5mg v/10 h/30 t/5940	hộp	66,000
31	GliritDHG 500mg/2,5mg v/10 h/30 t/5940	hộp	60,000
32	Gavix v/14 h/14	hộp	154,000
33	Hafixim 50 Kids G/0.75gr h/24 t/3456	hộp	75,432
34	Hafixim 100 Kids G/1.5gr h/24 t/2880	hộp	120,000
35	Hagimox 250 gói/1.5g h/24 t/3456	hộp	31,680

STT	Tên sản phẩm	Đvt	Giá (Chưa VAT)
36	Haginat 125 gói/3,5gr h/24 t/2376	hộp	204,000
37	Hagizin 5mg v/10 h/100	hộp	123,800
38	Hagimox capsules (đỏ-cam) v/10 h/100 t/7200	hộp	140,000
39	Hagimox capsules (nâu bạc-cam bạc) v/10 h/100 t/7200	hộp	140,000
40	Hagimox capsules (hồng đậm-hồng nhạt) v/10 h/100 t/7200	hộp	140,000
41	Hagimox capsules (đỏ-cam) ch/100 t/12600	chai	130,000
42	Hagimox capsules (nâu bạc-cam bạc) ch/100 t/12600	chai	130,000
43	Hagimox capsules (hồng đậm-hồng nhạt) ch/100 t/12600	chai	130,000
44	Haginat 250 v/5 h/10 t/1920	hộp	71,430
45	Haginat 500 v/5 h/10 t/1920	hộp	142,850
46	Hagimox 500 caplet v/10 h/100	hộp	140,000
47	Hagimox 500 caplet ch/100	chai	130,000
48	Haginir DT 125 v/10 h/20 t/2400	hộp	144,000
49	Hoạt huyết dưỡng não DP v/20 h/60	hộp	46,200
50	Hapenxin 250 Kids G/1.4gr h/24 t/3456	hộp	36,000
51	Hapenxin capsules (xanh-tím) ch/100 t/12600	chai	160,000
52	Hapenxin capsules (xanh-tím) v/10 h/100 t/7200	hộp	180,000
53	Hapenxin capsules (xanh lá-xanh dương) ch/100 T/12600	chai	160,000
54	Hapenxin capsules (hồng-trắng) v/10 h/100 t/7200	hộp	180,000
55	Hapenxin capsules (hồng-trắng) ch/100 t/12600	chai	160,000
56	Hapenxin capsules (xám đậm-vàng nhạt) v/10 h/100 t/7200	hộp	180,000
57	Hapenxin capsules (xám đậm-vàng nhạt) ch/100 t/12600	chai	160,000
58	Hapenxin 500 Caplet v/10 h/100 t/10000	hộp	180,000
59	Hapenxin 500 Caplet chai/100 t/12600	chai	160,000
60	Hatrizol v/10 h/30 t/3600	hộp	24,000
61	Klamentin 500/62.5 gói/2g h/24 t/2376	hộp	205,704
62	Klamentin 250/31.25 gói/1g h/24 t/3456	hộp	125,712
63	Klamentin 500/125 v/4 h/12 t/960	hộp	74,280
64	Klamentin 875/125 v/7 h/14 t/2100	hộp	133,000
65	Lastro 30 v/10 h/30 t/3600	hộp	60,000
66	LEVODHG 250 V/10 H/30 T/5850	hộp	105,000
67	LEVODHG 500 V/10 H/30 T/3600	hộp	180,000
68	LEVODHG 750 v/7 h/14	hộp	112,000
69	Lipvar 10 v/10 h/30	hộp	60,000
70	Lipvar 20 v/10 h/30	hộp	93,000
71	Mebilax 7,5mg v/10 h/20 t/4200	hộp	18,000
72	Mebilax 15mg v/10 h/20 t/4200	hộp	26,000
73	Modom-S v/10 h/100 t/12000	hộp	37,200
74	Medskin Clovir t/5g t/540	tube	17,000
75	Medskin clovir 200 v/10 h/50 t/8000	hộp	70,000

STT	Tên sản phẩm	Đvt	Giá (Chưa VAT)
76	Medskin Acyclovir 400 v/10 h/60 t/4320	hộp	150,000
77	Medskin Acyclovir 800 v/10 h/30 t/3600	hộp	120,000
78	Moloxcin 400 v/10 h/10 t/1680	hộp	200,000
79	Magnesi -B6 v/10 h/100 t/9600	hộp	50,000
80	Mitux E g/1.5g h/24 t/3456	hộp	28,800
81	Mitux gói/1,5g h/24 t/3456	hộp	33,600
82	Nifin 50 Kids gói/1,5gr h/24 t/2880	hộp	96,000
83	Nifin 100 Kids gói/1,5gr h/24 t/2880	hộp	148,800
84	Nifin 100 Tabs v/10 h/20 t/2400	hộp	124,000
85	Nifin 200 Tabs v/10 h/20 t/2400	hộp	160,000
86	Neni 800 v/10 h/30	hộp	28,500
87	Omeprazol DHG v/10 h/30 t/3600	hộp	24,000
88	Omeprazol DHG ch/100 t/18000	chai	75,000
89	Ostigold 1500 gói/3.95gr h/24 t/1728	hộp	108,000
90	Ostigold 500 v/10 h/60 t/4500	hộp	85,200
91	Ostigold 500 c/100 t/15000	hộp	120,000
92	Ostigold 750 c/100 t/9000	hộp	171,200
93	Ostigold 750 v/10 h/60 t/4500	hộp	102,720
94	Telfor 60 v/10 h/20 t/4200	hộp	30,460
95	Telfor 120 v/10 h/20 t/4200	hộp	50,000
96	Telfor 180 v/10 h/20	hộp	66,600
97	Tinidazol 500 v/10 h/100 t/7200	hộp	100,000
98	Unikids kèm chai/50g	chai	15,000
99	Unikids Zinc 70 gói/1,5g h/24	hộp	60,000
100	Vastec v/30 h/60 t/12600	hộp	28,560
101	Vastec 35 MR v/10 h/50	hộp	75,000
102	Zinc v/10 h/100 t/21600	hộp	60,000
103	ZidocinDHG v/10 h/20 t/8400	hộp	30,000
104	Hapacol 150 Flu G/1.5 h/24 t/3456	hộp	40,800
105	Hapacol 150mg G/1.5 h/24 t/3456	hộp	38,400
106	Hapacol 250 gói/1.5g h/24 t/3456	hộp	51,600
107	Hapacol 250 sinus G/1.5 h/24 t/3456	hộp	55,200
108	Hapacol 325 ch/100	chai	23,000
109	Hapacol 325 Flu gói 1.5g h/24 gói	hộp	60,000
110	Hapacol 325mg v/10 h/100 t/12000	hộp	25,000
111	Hapacol 500 Vàng Đậm - nhạt ch/100	chai	35,000
112	Hapacol 650 c/100	chai	46,000
113	Hapacol 650 extra v/10 h/100 t/8400	hộp	63,000
114	Hapacol 650 v/5 h/50 T/4800	hộp	25,000
115	Hapacol 80mg G/1.5 h/24 t/3456	hộp	28,800

00156
CHI NH
CÔNG
ƯỚC H
TẠI SÓC
C TRĂNG

STT	Tên sản phẩm	Đvt	Giá (Chưa VAT)
116	Hapacol ACE 500 v/10 h/100 t/6000	hộp	36,000
117	Hapacol Blue v/10 h/100	hộp	40,000
118	Hapacol capsules Hồng Đ-N ch/100	chai	35,000
119	Hapacol CF fort v/10 h/100	hộp	45,000
120	Hapacol CF v/10 h/250 t/8250	hộp	212,500
121	Hapacol CF v/5 h/50 t/4800	hộp	42,500
122	Hapacol child v/10 h/100	hộp	25,000
123	Hapacol CS day v/10 h/100 t/8400	hộp	75,000
124	Hapacol đau nhức v/5 h/50 t/4800	hộp	27,500
125	Hapacol Extra v/10 h/100	hộp	52,000
126	Hapacol Flu kids gói 1.5g h/24 gói	hộp	60,000
127	Hapacol Flu v/10 h/100	hộp	75,000
128	Hapacol Pain v/10 h/100	hộp	75,000
129	Hapacol sủi v/4 h/16 t/1920	hộp	35,200
	Nhóm 5%		
1	Actiso 10ml h/10 t/480	hộp	30,000
2	AlphaDHG v/10 h/20 t/4200	hộp	20,000
3	Angut 300 v/10 h/100 t/11200	hộp	85,000
4	Aquaphil ch/100ml	chai	45,000
5	Atocib 120	hộp	150,000
6	Atocib 60	hộp	90,000
7	Atocib 90	hộp	120,000
8	Baburex v/10 h/30	hộp	84,000
9	Baby Khở Qua ch/100ml H/1 t/88	chai	36,000
10	Bé nóng ch/100 h/1 t/38400	chai	8,000
11	Bipp C gói/10 h/350	hộp	80,500
12	Bipp Cam g/10 h/350	hộp	87,500
13	Bisoprolol 2.5 v/10 h/30 t/12780	hộp	30,000
14	Bocalex C 1000 tuýp/10 h/1 t/3600	tube	15,000
15	Bocalex Multi tuýp /20 t/3200	tube	25,000
16	Bofit F v/10 h/30 t/4860	hộp	21,000
17	Calci B1B2B6 ống nhựa 10ml h/10 T/480	hộp	30,000
18	Calcitriol v/10 h/30 t/8400	hộp	51,000
19	Calvit 0,6g gói/1,75gr h/24	hộp	60,000
20	Chobil bao fim v/10 h/100 t/9000	hộp	60,000
21	Choliver tube/100 H/1	tube	30,000
22	Cifga v/10 h/20 t/4800	hộp	20,000
23	Clabact 250 v/10 h/20 t/4160	hộp	50,000
24	Clabact 500 v/10 h/20 t/3360	hộp	100,000
25	Clorpheniramin 4mg ch/100 t/38400	hộp	6,200

STT	Tên sản phẩm	Đvt	Giá (Chưa VAT)
26	Clorpheniramin 4mg ch/200 t/56000	hộp	12,000
27	Clorpheniramin 4mg v/20 h/200 t/27000	hộp	13,000
28	Coldacmin Flu c/100	chai	29,000
29	Coldacmin Flu v/10 h/100	hộp	30,000
30	Coldacmin sinus v/10 h/100	chai	26,000
31	Coperil 4 v/30 h/30 t/9300	hộp	84,000
32	Coperil plus v/30 h/30 t/9300	hộp	99,000
33	Cotilam tube/20g t/420	tube	12,000
34	Desno v/10 h/30 t/6240	hộp	54,000
35	Dextromethorphan ch/100 h/1 t/28000	hộp	19,000
36	Ediva L-Cystine v/5 h/30 t/3600	hộp	60,000
37	Eltium 50 v/5 h/50	hộp	150,000
38	E'rossan Shampoo chai/60ml/ h/1	chai	40,000
39	Etoral cream Tube 5g H/1 t/540	tube	6,000
40	Expas 40 v/10 h/100	hộp	70,000
41	Expas Forte v/10 h/30	hộp	27,000
42	Eyelight 10ml h/1chai	chai	22,000
43	Eyelight cool 10ml h/1chai	chai	20,000
44	Eyelight Daily v/10 h/30 t/3600	hộp	75,000
45	Eyelight Ganat (TP) v/10 h/30 t/5670	hộp	27,270
46	Eyelight NM v/10 h/30 t/5670	hộp	60,000
47	Eyelight Vita 10ml h/1chai	chai	23,000
48	Giải độc gan Naturenz ch/100 hộp/1 t/9000	hộp	190,000
49	Giải độc gan Naturenz v/10 h/100 t/7200	hộp	200,000
50	Glumeform 500 v/10 h/100 t/7200	hộp	68,600
51	Glumeform 850mg v/5 h/50	hộp	57,150
52	GLUMERIF 2 V/10 H/30 T/5850	hộp	45,000
53	Glumerif 4 v/10 h/30 t/5490	hộp	90,000
54	Glumeron 30 MR v/20 h/100	hộp	120,000
55	Hagifen Kids	hộp	36,000
56	Hagifen v/10 h/100 t/9600	hộp	42,500
57	Hagimox 250 Caps (xám-vàng ngà) v/10 h/100 t/8700	hộp	72,000
58	Hamett gói/3.8gr h/24	hộp	48,000
59	Hapenxin 250 Caps (hồng-trắng) ch/100 t/12000	chai	82,000
60	Haresol gói 6,9gr h/20 t/1440	hộp	40,000
61	Hasec 10 g/1.5g h/24 t/3456	hộp	60,000
62	Hasec 100 v/10 h/30 t/5850	hộp	90,000
63	Hasec 30 g/1.5g h/24 t/3456	hộp	72,000
64	Hati Gừng Mật Ong gói 4g h/24 t/1440	hộp	43,200
65	Haxium 40	hộp	130,000

11-01
 ỨNG
 Y CP
 GIÁN
 RĂNG
 SỔ CH

STT	Tên sản phẩm	Đvt	Giá (Chưa VAT)
66	Helaf v/5 h/50 t/3600	hộp	81,800
67	Iboten v/10 h/100 t/21600	hộp	76,200
68	Ivis B12 ch/5ml h/1	chai	23,000
69	Ivis Levofloxacin ch/5ml h/1 t/720	chai	34,000
70	Kefcin 125 gói/1,5g h/24 t/3072	hộp	40,800
71	Kefcin 250 v/10 h/30 t/3600	hộp	114,300
72	Kefcin 375 v/5 h/10 t/1920	hộp	57,140
73	Kefcin 500 Caps (xanh-trắng) v/7 h/14 t/2688	hộp	110,600
74	Kẹo gừng Fizty h/100 t/5000	hộp	75,000
75	Kẹo gừng Fizty h/400 t/1600	hộp	300,000
76	Kim tiền thảo ch/100 H/1	chai	52,000
77	Kim tiền thảo râu mèo ch/100	chai	56,000
78	Korcin chai 8g h/1 t/720	chai	3,960
79	Losartan 50 v/10 h/30 t/5490	hộp	72,000
80	Medlon 16 V/10 H/30 T/11970	hộp	85,710
81	Medlon 4 V/10 H/100 T/23100	hộp	73,000
82	Medskin Ery tube/10g	tube	15,000
83	Medskin fusi t/10gr h/1 t/540	tube	25,000
84	Medskin Mico t/10g t/240	tube	12,000
85	MedSkinZela tube/10gr h/1	tube	35,000
86	Men vi sinh YUNPRO G/2gr H/20 T/1.200	hộp	106,000
87	Men vi sinh YUNPRO G/2gr H/60 T/1.200	hộp	312,000
88	Miếng dán Hạ sốt MITOYO H/8 T/320	hộp	88,000
89	NattoEnzym hộp/1 chai/90 t/13500	chai	360,000
90	NattoEnzym v/10 h/30	hộp	135,000
91	Naturenz LB cap v/10 h/100 t/7500	hộp	210,000
92	Night Queen v/10 h/30 t/5760	hộp	36,000
93	Ofcin v/10 h/20 t/4200	hộp	14,800
94	Oresol 245 g/4.1g h/20 t/1620	hộp	24,000
95	Patest 250 v/10 h/100 t/11200	hộp	40,000
96	Patest 500 v/10 h/100 t/7200	hộp	75,000
97	PoncifDHG v/10 h/30 t/6480	hộp	14,400
98	Raxium 20 v/10 h/30	hộp	75,000
99	Rotorlip 10 v/10 h/30 t/6240	hộp	105,000
100	Rovas 0.75M gói/3g h/24 t/2592	hộp	40,800
101	Rovas 1,5M v/8 h/16 t/6720	hộp	35,040
102	Rovas 3M v/5 h/10 t/4200	hộp	42,000
103	Roxithromycin 150 v/10 h/30 t/5850	hộp	39,000
104	Slocol c/100	chai	38,000
105	Spivital mama v/10 h/100 t/6000	hộp	150,000

STT	Tên sản phẩm	Đvt	Giá (Chưa VAT)
106	Spivital nutri v/10 h/100 t/6000	hộp	150,000
107	Sufi c/200 t/75600	chai	28,000
108	Taginba noni ch/100 t/10500	chai	125,000
109	Taginba plus TP v/10 h/100 T/6000	hộp	170,000
110	Taginba plus TP v/10 h/30 T/4860	hộp	54,000
111	Taginba v/15 h/30	hộp	48,000
112	Teginol 50mg v/10 h/30 t/5400	hộp	20,400
113	Vitamin E 400UI v/10 h/100 t/4200	hộp	120,000
114	YBIO G/1g h/24 t/3456	hộp	36,000

T.C.P.